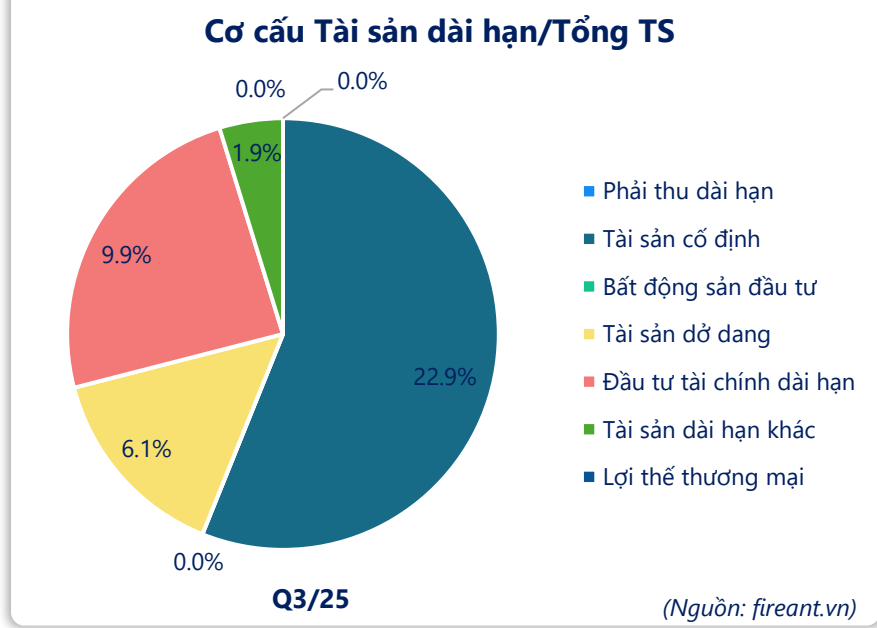
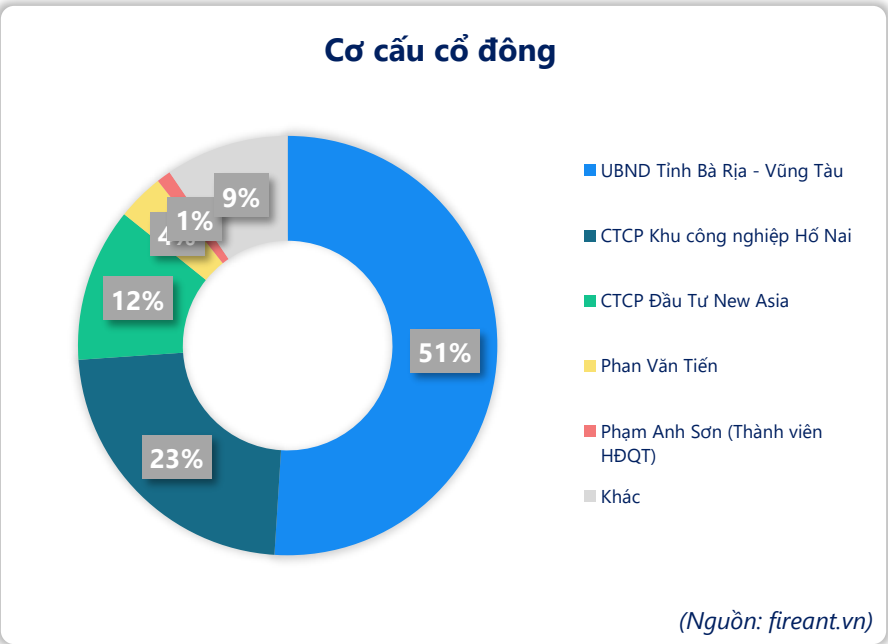
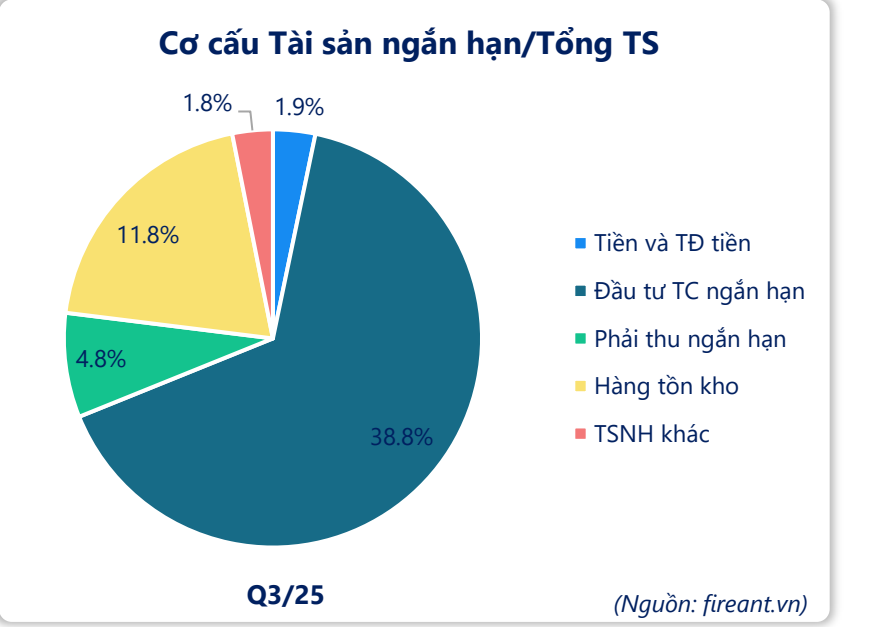
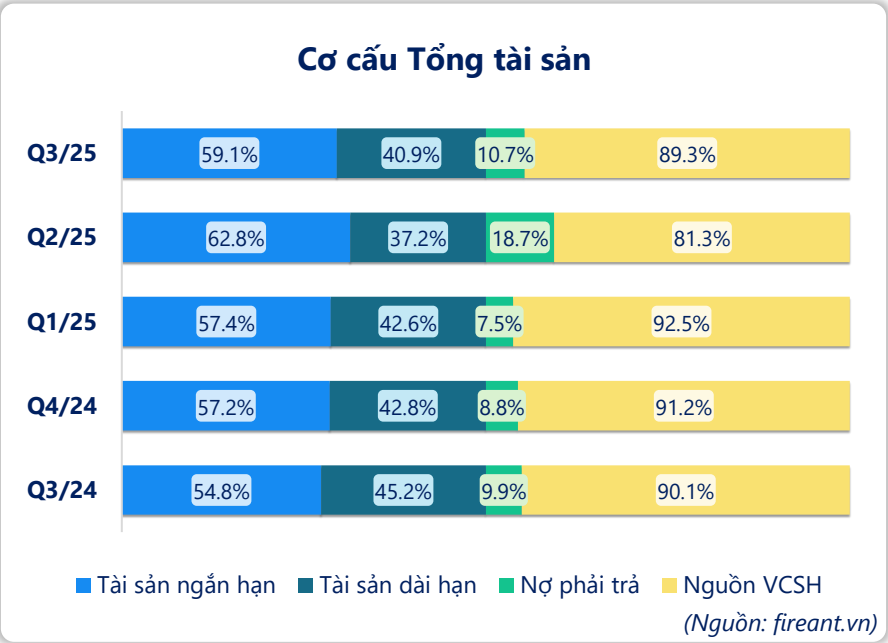
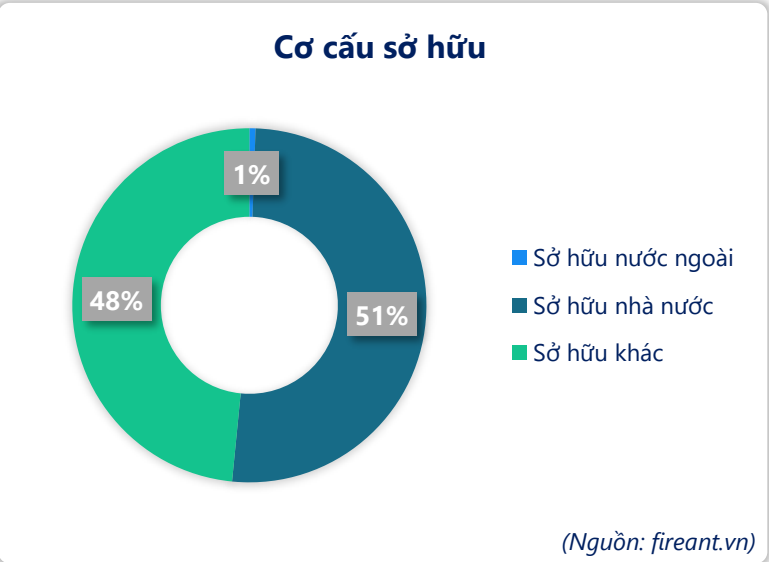
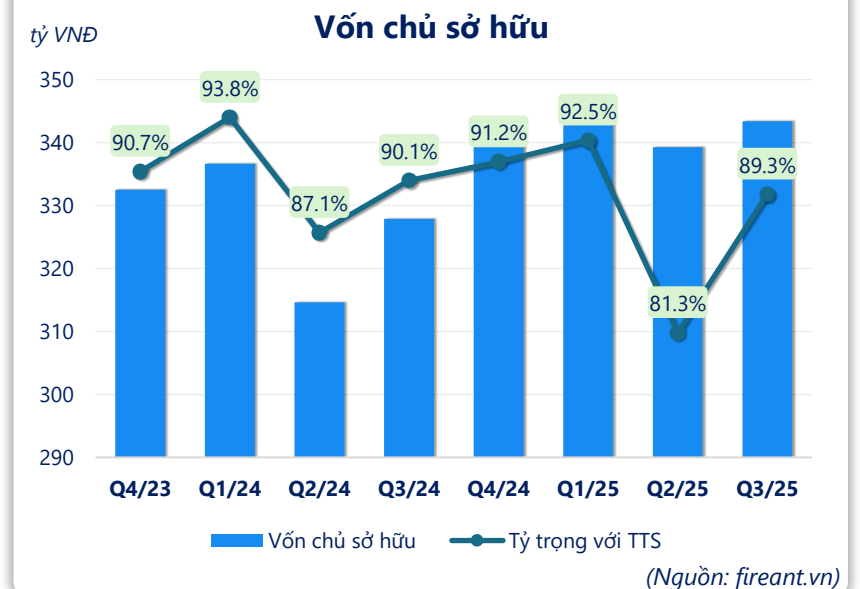
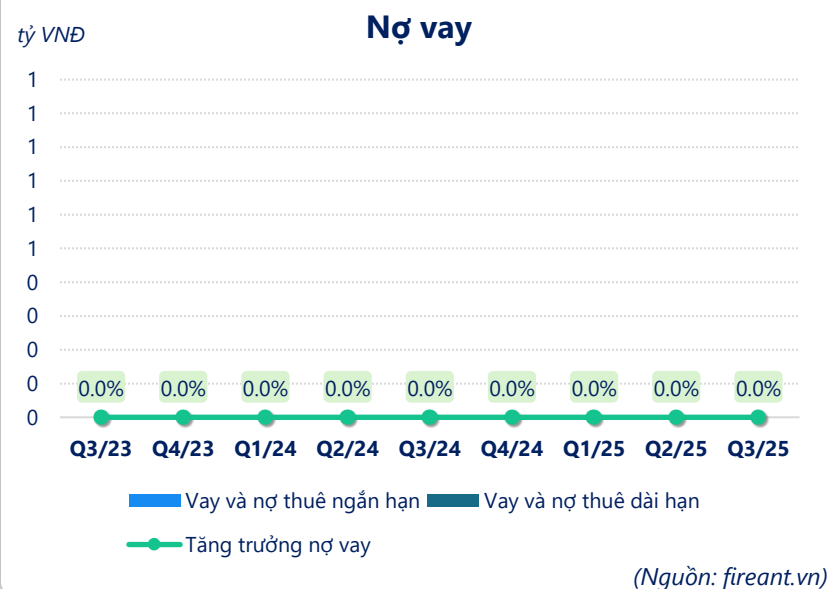
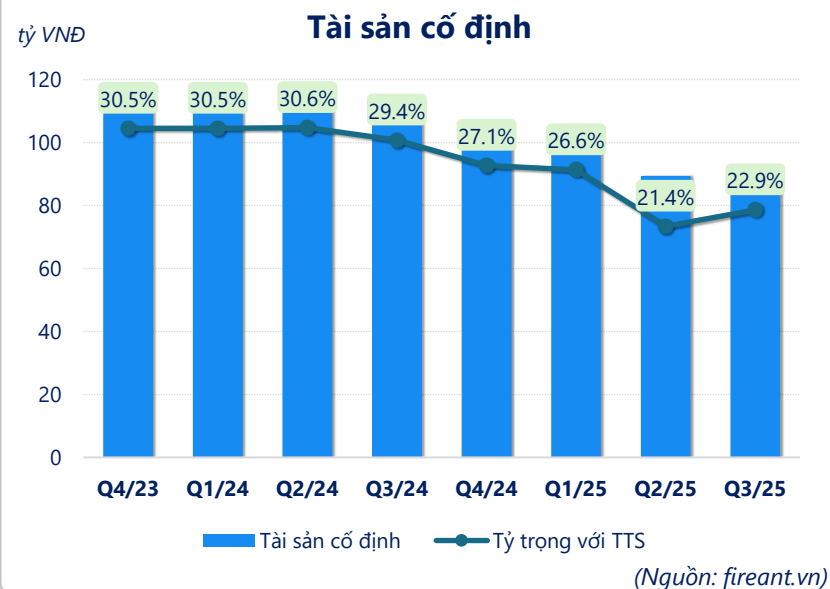
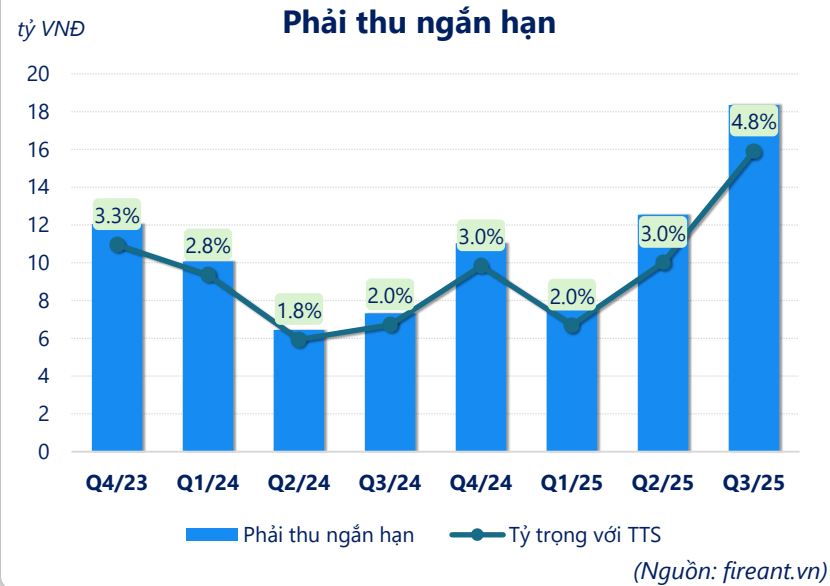
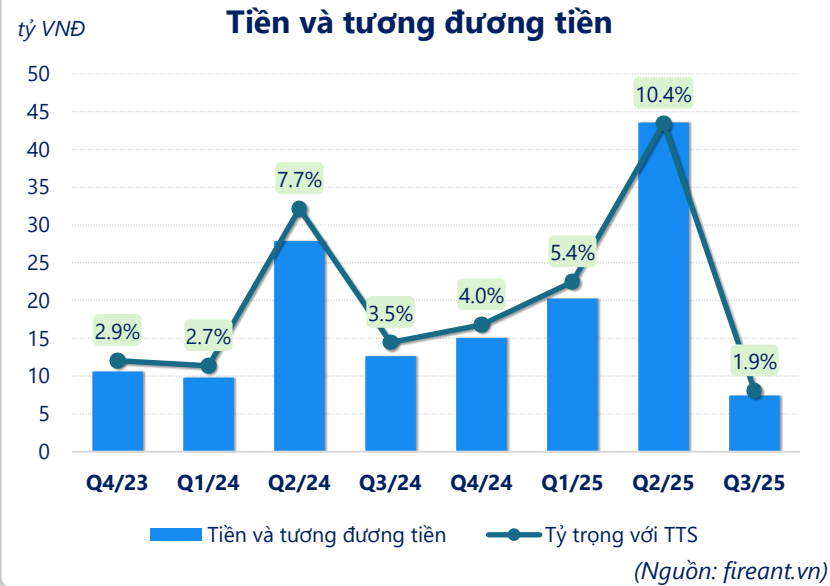
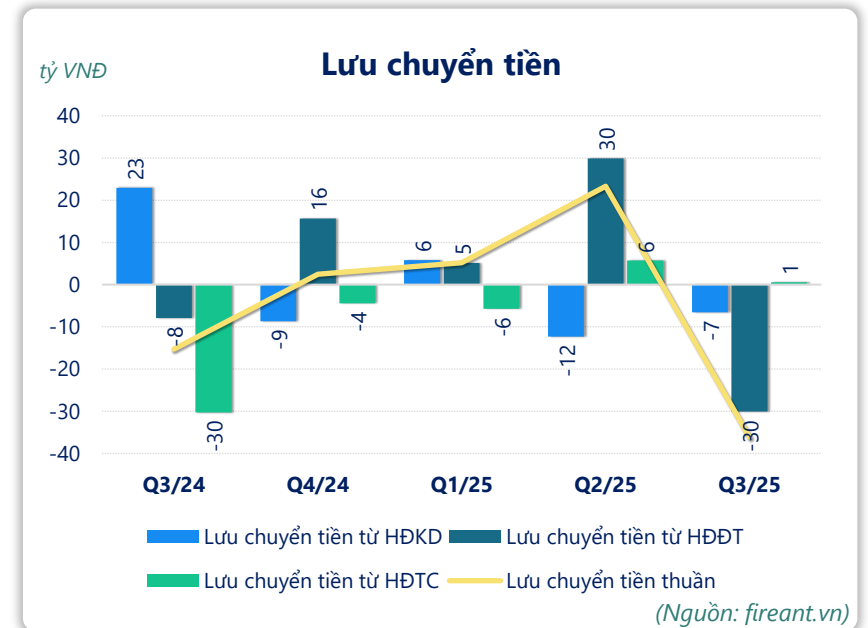
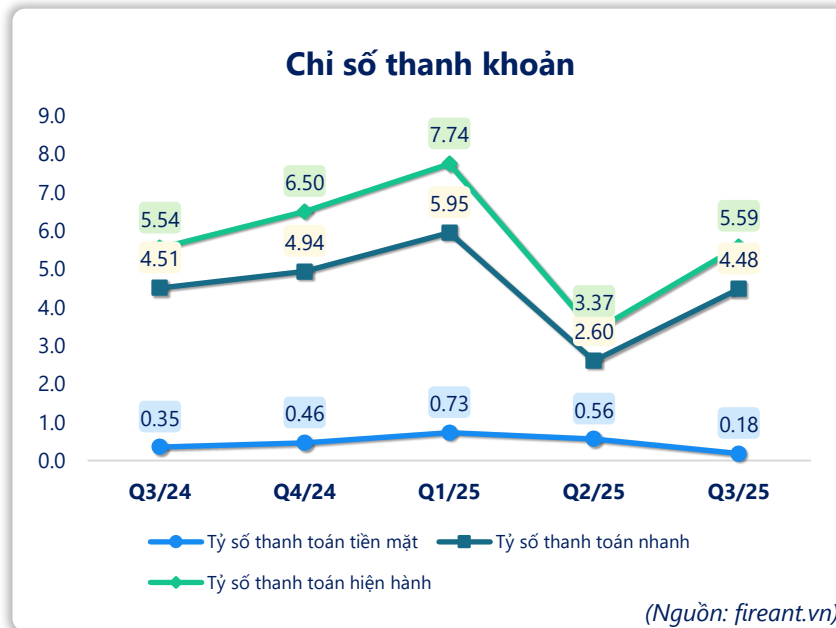
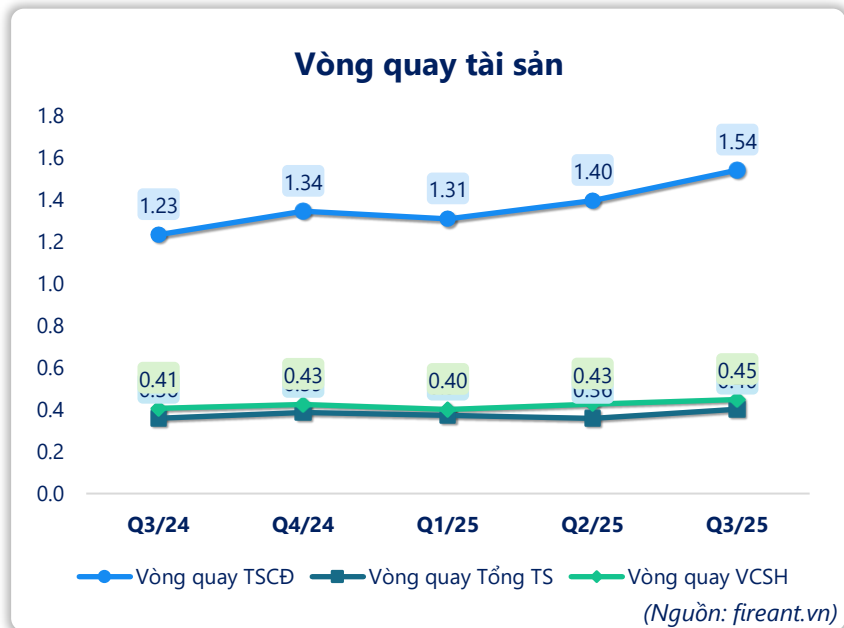
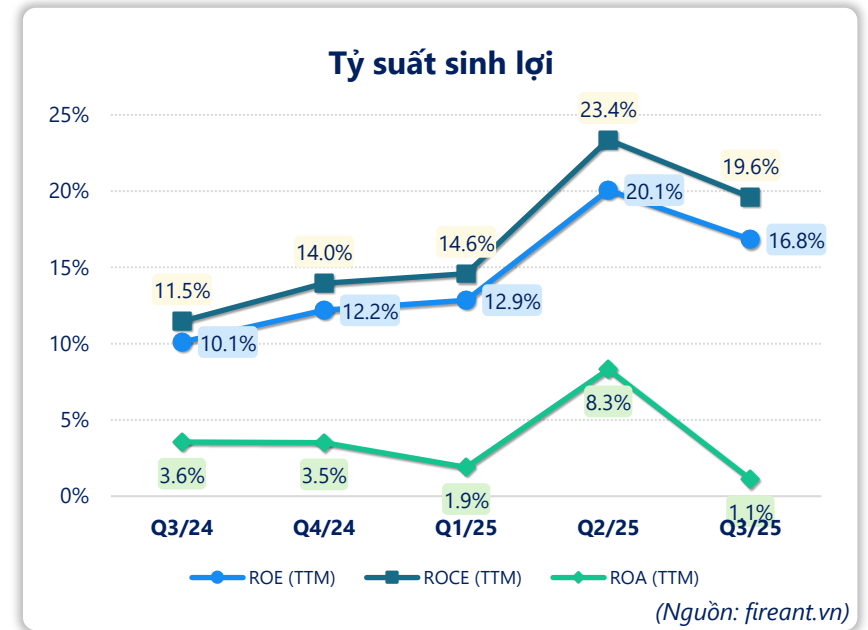
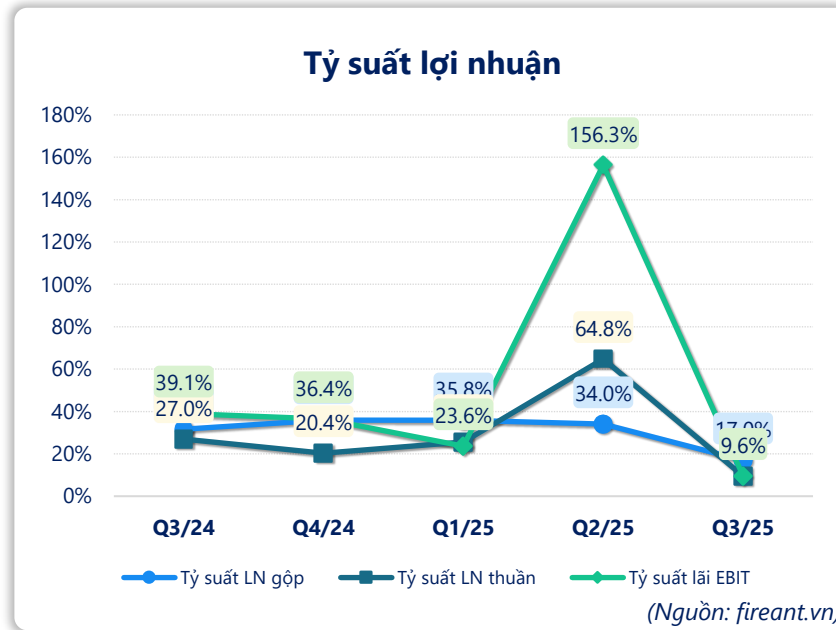
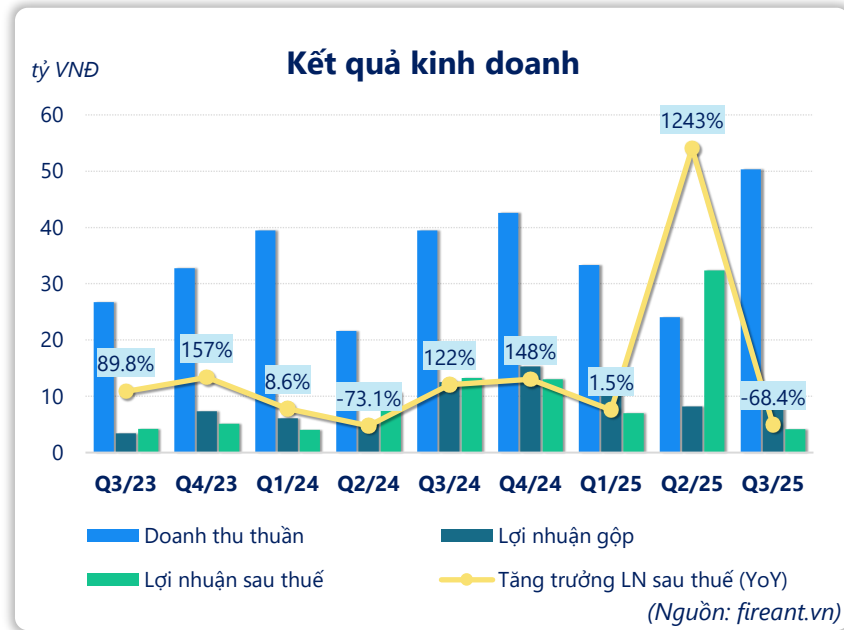


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,535
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,960
SL cổ phiếu LH		19,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		800
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		587
P/E		10.4
EPS		2,935

	YTD	1T	3T	6T
TNC	-5.7%	1.8%	7.1%	1.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	384	373	3.0%
Tài sản ngắn hạn	227	213	6.5%
Tiền và tương đương tiền	7.43	15.1	-50.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	149	136	9.6%
Phải thu ngắn hạn	18.4	10.8	69.8%
Hàng tồn kho	45.2	51.3	-11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	7.11	0.18	3906%
Tài sản dài hạn	157	160	-1.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	88.2	102	-13.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	23.4	17.1	36.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.1	33.1	15.1%
Tài sản dài hạn khác	7.48	7.30	2.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	41.0	33.1	24.0%
Nợ ngắn hạn	40.6	32.7	24.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.01	2.93	2.8%
Nợ dài hạn	0.39	0.39	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	343	340	0.9%
Vốn chủ sở hữu	343	340	0.9%
Vốn điều lệ	193	193	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	39.5	42.6	33.3	24.1	50.3
Giá vốn hàng bán	26.9	27.3	21.4	15.9	41.8
Lợi nhuận gộp	12.5	15.3	11.9	8.18	8.54
Doanh thu HĐTC	1.46	1.68	1.66	11.4	1.95
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.11	2.21	2.62	1.30	3.45
Chi phí QLDN	2.21	6.09	2.44	2.72	2.23
LN thuần từ HĐKD	10.6	8.68	8.54	15.6	4.80
Lợi nhuận khác	4.78	6.83	-0.66	22.0	0.02
LN trước thuế	15.4	15.5	7.88	37.6	4.82
Lợi nhuận sau thuế	13.2	13.0	6.99	32.3	4.14
LNST của CĐ cty mẹ	13.2	13.0	6.99	32.3	4.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.9	-8.71	5.80	-12.3	-6.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.92	15.6	5.14	29.9	-30.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.3	-4.47	-5.73	5.72	0.54
Tiền đầu kỳ	27.9	12.6	15.1	20.3	43.6
Lưu chuyển tiền thuần	-15.3	2.43	5.21	23.3	-36.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.6	15.1	20.3	43.6	7.43

(Nguồn: fireant.vn)